TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2026/DS-ST
Ngày: 02/3/2026
V/v Tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – ĐỒNG THÁP, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Bà Đoàn Thị Cẩm Hừng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Viết Thanh;

2. Ông Nguyễn Phú Hữu.

- *Thư ký phiên toà:* Ông Dương Hoàng Vũ- Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 02 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 428/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2025, về việc "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 23/2026/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2026/QĐST-DS ngày 02 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S).

Trụ sở: Số 266-268 NKKN, Phường XH, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Thanh Tr, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP S - Chi nhánh Đồng Tháp (Theo Quyết định v/v ủy quyền số 1184/2025/QĐ-PC ngày 15/4/2025).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Thanh Tr là chị Đỗ Thị Bé Nh, chức vụ: Chuyên viên Kiểm soát rủi ro, Phòng Kiểm soát rủi ro và Tuân thủ- Chi nhánh Đồng Tháp, địa chỉ liên lạc: Số 56, đường Nguyễn Huệ, Phường C, tỉnh Đồng Tháp (Theo Giấy ủy quyền số 109/GUQ-CNĐT ngày 16/5/2025).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phương B, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 163, Tổ 5, ấp HL, xã HA, thành phố C (nay là Phường C), tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Đỗ Thị Bé Nh có mặt, ông Nguyễn Phương B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị Đỗ Thị Bé Nh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Đồng Tháp (S) có cấp tín dụng cho ông Nguyễn Phương B theo Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến. Thông tin cụ thể như sau:

STT	Số HĐTD - Bên được cấp tín dụng	Ngày vay – Ngày đáo hạn	Hạn mức tín dụng/ Số tiền vay (VNĐ)	Số HĐBĐ (nếu có)
1	3170720		50.000.000	//
2	LD0000444421	21/3/2024-21/3/2027	45.000.000	//

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Phương B đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên S đã chuyển toàn bộ khoản cấp tín dụng thành nợ quá hạn.

Mặc dù Ngân hàng thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc yêu cầu ông B thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, Ngân hàng cũng đã tạo điều kiện về mặt thời gian để ông B trả nợ. Tuy nhiên, ông B vẫn chưa thanh toán khoản nợ quá hạn.

Tính đến ngày 01/3/2026, ông Nguyễn Phương B còn thiếu Ngân hàng tổng số tiền 38.017.542 đồng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Phương B phải trả cho S tổng số tiền tính đến ngày 01/3/2026 là 44.763.900 đồng, trong đó nợ gốc là 32.052.560 đồng, lãi quá hạn là 12.711.340 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 02/3/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ số 3170720 ngày 19/3/2024, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến số LD00004444-CN/PGD: CHI NHANH DONG THAP ngày 21/3/2024.

Đối với bị đơn Nguyễn Phương B: Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Phương B nhưng ông B không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng tín dụng quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Phương B có địa chỉ tại ấp HL, xã HA, thành phố C (nay là Phường C), tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đồng Tháp theo quy định Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là ông Nguyễn Phương B nhưng ông B vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) yêu cầu ông Nguyễn Phương B thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 01/3/2026 là 44.763.900 đồng, trong đó nợ gốc là 32.052.560 đồng, lãi quá hạn là 12.711.340 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 02/3/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ số 3170720 ngày 19/3/2024, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến số LD00004444-CN/PGD: CHI NHANH DONG THAP ngày 21/3/2024.

Hội đồng xét xử nhận định, để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, Ngân hàng Thương mại cổ phần S cung cấp cho Tòa án Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ số 3170720 ngày 19/3/2024, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ (Vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến) số LD0000444421-CN/PGD: CHI NHANH DONG THAP ngày 21/3/2024. Bảng kê tính lãi đến ngày 01/3/2026.

Hội đồng xét xử xét thấy, Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ số 3170720 ngày 19/3/2024 do S cung cấp có chữ ký và chữ viết họ tên của ông Nguyễn Phương B. Từ thẻ tín dụng được cấp tại S, ông Nguyễn Phương B đăng ký vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến và được cấp hạn mức tín dụng với số tiền 45.000.000 đồng.

Sau khi vay, ông B đã thanh toán cho S được số tiền 23.987.440 đồng. Tính đến ngày 01/3/2026 ông Nguyễn Phương B còn nợ S tổng số tiền là 44.763.900 đồng, trong đó nợ gốc là 32.052.560 đồng, lãi quá hạn là 12.711.340 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Phương B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến nay ông B không cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến hay tài liệu chứng cứ thể hiện việc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS năm 2015 cũng quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó."*

Như vậy, có cơ sở xác định việc ông Nguyễn Phương B có vay tiền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S) và việc ông B không thực hiện việc trả

tiền nợ vay còn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định Ngân hàng Thương mại cổ phần S yêu cầu ông Nguyễn Phương B trả tổng số tiền 44.763.900 đồng, trong đó nợ gốc là 32.052.560 đồng, lãi quá hạn là 12.711.340 đồng, yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 02/3/2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ số 3170720 ngày 19/3/2024, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ vay tiêu dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến số LD00004444-CN/PGD: CHI NHANH DONG THAP ngày 21/3/2024 là có cơ sở và phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí, bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 244, Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 90 và 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 8, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S đối với ông Nguyễn Phương B.

Ông Nguyễn Phương B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng số tiền là 44.763.900 đồng (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn chín trăm đồng), trong đó nợ gốc là 32.052.560 đồng, lãi quá hạn là 12.711.340 đồng.

Kể từ ngày 02/3/2026, ông Nguyễn Phương B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong Phiếu đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ số 3170720 ngày 19/3/2024, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ (Vay tiêu

dùng từ thẻ tín dụng trực tuyến) số LD0000444421-CN/PGD: CHI NHÁNH ĐỒNG THÁP ngày 21/3/2024 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong các văn bản nêu trên, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần S thì lãi suất mà ông Nguyễn Phương B còn phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S theo quyết định của Toà án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phương B phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.238.000 đồng (Hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại số tiền 950.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008973 ngày 25/11/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKS ND KV6-ĐT;
- TAND Tỉnh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đoàn Thị Cẩm Hừng